

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HS-ST

Ngày: 26-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Vũ Minh Đ, (tên gọi khác: Không);

Sinh năm 1991, tại: Nam Định. Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Tự do. Con ông: Vũ Tiến T và bà Trần Thị T. Vợ là Vũ Thị H (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26 tháng 10 năm 2012 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù giam theo Bản án số 09/2013/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2013.

Bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-9-2021 đến nay (Có mặt).

- Bị hại:

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1974. (Có mặt)

+ Ông Vũ Xuân B, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Cùng có địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Vũ Xuân D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 30, đường Đ, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

+ Ông Đỗ Đăng K, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 84, đường N, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07-8-2021, bị cáo Vũ Minh Đ đi bộ sang nhà bà Phạm Thị L ở cùng xóm hỏi mượn xe mô tô. Gặp bà L, Đ nói: *“Cô cho cháu mượn xe của thằng D, cháu phóng lên Gạo để xem xe cháu hỏng đã sửa xong chưa rồi về luôn”* (D là con trai của bà L), do là người cùng xóm nên bà L đã đồng ý cho Đ mượn xe và bảo Đ: *“Xe em nó vừa đi làm về, chìa khóa xe để ở trên nóc tủ trong nhà bếp vào mà lấy, đi tranh thủ rồi về”*. Đ đi vào trong bếp lấy chìa khóa xe rồi đi ra ngoài sân điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ đen BKS 18C1-064.28 đi thẳng ra khu vực Trầm Cá, thành phố Nam Định để uống bia cùng với bạn. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, trên đường đi về nhà Đ điều khiển xe mô tô vào đồ xăng tại cây xăng ở gần công ty bao bì thành phố Nam Định thì phát hiện trong cốp xe mô tô có để 01 ví da màu đen, trong ví có số tiền 480.000 đồng, 01 đăng ký xe mô tô BKS 18C1-064.28 mang tên Vũ Xuân B, 01 bảo hiểm xe mô tô BKS 18C1-064.28, 01 bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM, 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Vũ Xuân D. Do đang thiếu tiền tiêu sài cá nhân nên khi phát hiện thấy giấy đăng ký xe mô tô, Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô bằng cách đem xe mô tô đi cầm cố lấy tiền. Ngay sau khi đồ xăng xong Đ liền điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng cầm đồ Thành Đạt, địa chỉ: số 30 đường Đ, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để cầm cố chiếc xe mô tô BKS 18C1-064.28. Tại đây Đ gặp chị Trần Thị T là đại diện chủ cửa hàng, Đ nói: *“Chị cho em cầm con xe”* đồng thời chỉ xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28 cho chị T xem, chị T hỏi Đ về nguồn gốc xe thì Đ nói đây là xe của nhà Đ, chị T yêu cầu đưa giấy đăng ký xe mô tô và chứng minh thư nhân dân để làm hợp đồng cầm cố tài sản thì Đ nói dối là đang để ở nhà quên mang đi, hẹn hôm sau sẽ mang đến cho chị T. Vì Đ đã một vài lần cầm cố tài sản tại cửa hàng của chị T, nên chị T tin tưởng và đồng ý cho Đ cầm cố chiếc xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28 với giá 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ chị T, Đ không về nhà mà đi lang thang ngoài thành phố Nam

Định thuê nhà nghỉ để ngủ qua đêm. Đến sáng ngày 08/8/2021 Đ gặp người quen là Đỗ Đăng K, để mượn chứng minh thư nhân dân của K với mục đích mang đến cửa hàng cầm đồ đưa cho chị T để làm hợp đồng cầm cố (Đ không nói cho K biết việc mượn chứng minh thư để cầm cố xe). Sau đó Đ nhờ K chở đến cửa hàng cầm đồ Thành Đạt; khi đến nơi thì K có việc nên đi luôn, còn Đ một mình đi vào gặp chị T, đưa cho chị T chứng minh thư của K và giấy đăng ký xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28, đồng thời hỏi chị T xem có lấy được thêm tiền cầm cố chiếc xe mô tô BKS 18C1-064.28 không, tuy nhiên chị T không đồng ý đưa thêm tiền. Chị T nhận được giấy đăng ký xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28 đúng là giấy đăng ký xe mô tô Đ mang đến tối ngày 07/8/2021 và chứng minh thư mang tên Đỗ Đăng K, do chị T cũng có quen biết K và thấy K chở Đ đến nên chị T đã lập hợp đồng cầm cố tài sản với Đ thỏa thuận tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28 có giấy đăng ký xe mô tô kèm theo, hợp đồng ghi tên người cầm cố là Đỗ Đăng K. Sau khi hoàn thành việc cầm cố chiếc xe mô tô, Đ tiếp tục lang thang ở thành phố Nam Định và tiêu sài hết số tiền 5.000.000 đồng cầm cố xe mô tô và số tiền 480.000 đồng trong ví da của anh Vũ Xuân D. Từ tối ngày 07-8-2021 đến ngày 13-8-2021 do Đ không về nhà và cũng không mang xe mô tô đến trả lại cho gia đình bà L, nên bà L và người nhà đã nhiều lần đến nhà tìm Đ, gọi điện thoại cho Đ để yêu cầu mang xe về trả nhưng Đ không nghe máy, sau đó nghe máy thì nói dối là bị Công an bắt giữ xe để trốn tránh không trả lại xe mô tô cho gia đình bà L. Ngày 13-8-2021 Đ có về gặp vợ chồng bà L và nói “*xe cháu cầm rồi, việc cháu làm cháu chịu, từ giờ đến chiều cháu mang giấy tờ xe về cho cô chú còn chiếc xe có khi phải để đến tối*”; khoảng 15 giờ cùng ngày Đ mang trả lại cho bà L 01 ví da màu đen, 01 bảo hiểm xe mô tô, 01 bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM, 01 chứng minh nhân dân của Vũ Xuân D, nhưng số tiền 480.000 đồng và xe mô tô BKS 18C1-064.28 thì vẫn không trả lại.

Đến ngày 21-8-2021, bà Phạm Thị L đến Công an huyện V trình báo vụ việc.

Ngày 22-8-2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã truy tìm và thu giữ của chị Trần Thị T: 01 xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28, 01 giấy đăng ký xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đỗ Đăng K.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 30-8-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận chiếc xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28 có giá trị là 6.000.000 đồng

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện V đã truy tìm và thu giữ những đồ vật, tài liệu sau: 01 xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28, 01 giấy đăng ký xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đỗ Đăng K;

Đến ngày 07-9-2021, Cơ quan CSĐT công an huyện V đã trả lại những đồ vật tài liệu như đã nêu trên cho chủ sở hữu.

Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 30-8-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận chiếc xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28 có giá trị là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng).

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện V, Vũ Minh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Vũ Xuân B và bà Phạm Thi L đã nhận lại chiếc xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28 cùng giấy đăng ký xe mô tô; Bị cáo Vũ Minh Đ đã ủy quyền cho ông Vũ Tiến T (Là bố đẻ bị cáo Đ) thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm dân sự thay bị cáo Đ; Cụ thể: Anh Vũ Xuân D đã được ông T trả lại số tiền 480.000 đồng; chị Trần Thị T đã được ông T bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; Ông B, bà L, anh D và chị T đều không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số: 55/CT-VKSVB ngày 15-11-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Vũ Minh Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Vũ Minh Đ đã thành khẩn khai báo về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đúng như nội dung đã nêu trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo và đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị như sau:

- Về điều luật và tội danh: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Vũ Minh Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Vũ Minh Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong hình sự: Buộc bị cáo Vũ Minh Đ phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Minh Đ tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Vật chứng đã thu giữ; Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 30-8-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, Lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan, lời khai của những người làm chứng tại giai đoạn điều tra... Do đó, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để kết luận: “Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07-8-2021, bị cáo Vũ Minh Đ sang nhà bà Phạm Thị L ở xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 18C1-064.28 trị giá 6.000.000 đồng để đi có việc riêng sau đó Đ đi ra Thành phố Nam Định chơi. Trên đường từ thành phố Nam Định về nhà Vũ Minh Đ phát hiện ra trong cốp xe có số tiền 480.000 đồng, đăng ký xe mô tô, bảo hiểm xe mô tô BKS 18C1-064.28, bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, thẻ ATM, chứng minh nhân dân nên đã mang chiếc xe mô tô ra cửa hàng cầm đồ Thành Đạt địa chỉ số 30 đường Đ, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định do chị Trần Thị T làm chủ để cầm cố được số tiền 5.000.000 đồng, sau đó Đ đã đem đi tiêu sài cho mục đích cá nhân hết”.

[3]. Về tình tiết định khung hình phạt: Đối chiếu hành vi mà bị cáo Vũ Minh Đ đã thực hiện nêu trên với những quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành thì hành vi đó của bị cáo Đ đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, làm cho những người dân luôn lo sợ kẻ gian bất chấp pháp luật bằng mọi thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản hợp pháp của mình, gây nên sự bức xúc trong quần chúng nhân dân; bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự cũng như năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội. Do đó, buộc bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bản thân và thấy cần phải áp dụng loại hình phạt cũng như mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả

của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 26-10-2012 phạm tội trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tuyên phạt 12 tháng tù giam theo bản án số 09/2013/HS-ST ngày 14-3-2013.

Về tiền án, tiền sự: Không.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, trả lại tiền cho người L quan. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo làm công nhân, có thu nhập thấp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy trong giai đoạn điều tra, giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông B, bà L đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt, anh D đã nhận lại được số tiền 480.000đ bị mất, chị T đã nhận lại số tiền 5.000.000đ, ông T là người nhận ủy quyền của bị cáo Đ để bồi thường thiệt hại, trả lại tiền cho những người trên. Ông B, bà L, anh D, chị T, ông T đều không có yêu cầu đề nghị gì. Như vậy, về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9]. Đối với hành vi Đ chiếm đoạt số tiền 480.000 đồng là tài sản của anh Vũ Xuân D. Công an huyện V ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 167/NĐ-CP của Chính phủ về hành vi “Trộm cắp tài sản” đối với Vũ Minh Đ là phù hợp.

Đối với chị Trần Thị T trong vụ án này đã cầm cố chiếc xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28 cho Vũ Minh Đ, tuy nhiên trước khi thực hiện giao dịch cầm cố chị T

đã hỏi Đ về nguồn gốc của chiếc xe mô tô thì bị Đ nói dối là xe của nhà Đ, khi yêu cầu đưa ra giấy đăng ký xe mô tô thì Đ cũng giao giấy đăng ký xe mô tô BKS 18C1-064.28 nên chị T không biết được chiếc xe mô tô BKS 18C1-064.28 là tài sản do Đ phạm tội mà có nên đã cầm cố chiếc xe mô tô cho Vũ Minh Đ. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xử lý đối với chị T là phù hợp.

Đối với Đỗ Đăng K trong vụ án này đã cho Đ mượn chứng minh thư của mình giúp Đ hoàn thành hợp đồng cầm cố chiếc xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28. Tuy nhiên K không biết mục đích Đ mượn chứng minh thư của mình để mang đi cầm cố chiếc xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xử lý đối với anh K là phù hợp.

[10]. Về xử lý vật chứng: Những vật chứng: 01 xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28, 01 giấy đăng ký xe mô tô Sirius BKS 18C1-064.28, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đỗ Đăng K đã được Cơ quan CSĐT công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật.

[11]. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Minh Đ phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Minh Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Vũ Minh Đ 15 (Mười lăm). tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14-9-2021.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Vũ Minh Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Vũ Minh Đ, bị hại Phạm Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan là anh Vũ Xuân D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại Vũ Xuân B, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan Trần Thị T, Đỗ Đăng K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và NVLQ;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện VB;
- UBND xã T;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PC10, PV 06 Công an tỉnh NĐ;
- Lưu VP Tòa án, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiến